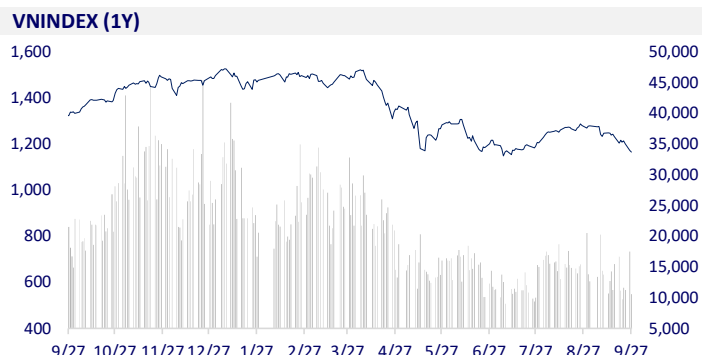
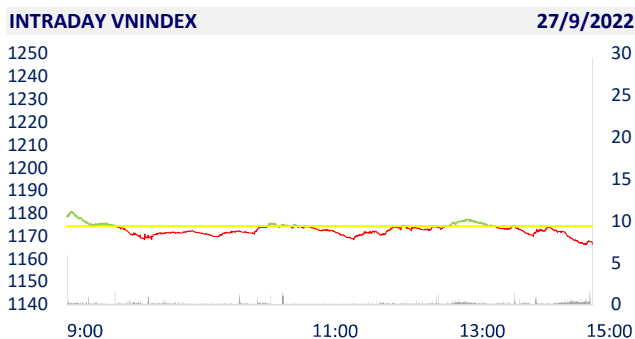


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,166.54	-0.67%	-22.14%
VN30	1,182.46	-0.40%	-23.00%
HNX	255.52	-0.06%	-46.09%
UPCOM	86.71	0.03%	-23.05%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-401.02		
Tổng GTGD (tỷ)	12,734.24	-36.61%	-59.02%

Sau áp lực giảm điểm mạnh phiên đầu tuần, thị trường chứng khoán Việt Nam phiên giao dịch 27/9 diễn ra với sự giằng co và đảo chiều liên tục. Áp lực bán vẫn chiếm ưu thế và tăng mạnh vào cuối phiên khiến VN-Index giảm gần 8 điểm. Toàn thị trường ghi nhận 477 mã giảm điểm, trong khi có 414 mã tăng điểm. Một số nhóm ngành hồi phục và giữ được sắc xanh như: điện, ngân hàng, chứng khoán.



ETF & PHÁI SINH		1D	YTD
E1FVN30	20,230	-0.20%	-21.68%
FUEMAV30	13,950	-0.36%	-22.89%
FUESSV30	14,280	-19.82%	-24.84%
FUESSV50	18,410	-6.78%	-19.61%
FUESSVFL	15,650	1.56%	-30.38%
FUEVFNVD	25,170	0.04%	-10.27%
FUEVN100	15,200	-1.81%	-29.24%
VN30F2303	1,188.50	-0.04%	
VN30F2212	1,184.50	-0.46%	
VN30F2211	1,183.40	-0.04%	
VN30F2210	1,185.00	-0.59%	



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI		1D	YTD
Nikkei	26,571.87	-0.16%	-7.71%
Shanghai	3,093.86	1.40%	-15.00%
Kospi	2,223.86	0.13%	-25.31%
Hang Seng	17,860.31	0.21%	-23.67%
STI (Singapore)	3,165.50	-0.52%	1.34%
SET (Thái Lan)	1,610.58	-0.66%	-2.84%
Dầu thô (\$/thùng)	77.53	0.61%	1.35%
Vàng (\$/ounce)	1,641.50	0.28%	-9.85%

Sau vài phiên biến động mạnh, thị trường chứng khoán châu Á đã "lặng sóng" hơn trong phiên giao dịch 27/9, giữa bối cảnh hầu hết các tài sản đều giảm giá. Tại Nhật Bản, chỉ số Nikkei 225 giảm 0.16% về mức 26.571,87 điểm. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc cũng dứt chuỗi bốn phiên "đỏ sàn" liên tiếp để đảo chiều tăng 0.13% lên 2.223,86 điểm. Tại Trung Quốc, chỉ số Hang Seng tăng 0.21% lên 17.860,31 điểm.

KINH TẾ VĨ MÔ		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	5.12%	23	431
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.60%	0	0
TPCP - 5 năm	4.13%	10	312
TPCP - 10 năm	4.56%	20	256
USD/VND	23,883	0.08%	4.11%
EUR/VND	23,545	-0.14%	-11.04%
CNY/VND	3,382	-0.03%	-7.55%

Tuần qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tăng một loạt lãi suất điều hành thêm 1%. Bên cạnh đó, NHNN đã hút ròng tổng cộng 34,6 nghìn tỷ đồng thông qua kênh hoạt động thị trường mở và khoảng hơn 23 nghìn tỷ đồng thông qua kênh bán ngoại tệ. Với mức điều chỉnh kể trên, lãi suất điều hành đã về lại mức tương đương tháng 3/2020 và thấp hơn 50 điểm cơ bản so với thời điểm trước Covid (ngoại trừ trần lãi suất huy động dưới 6 tháng).

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
LGC	9/29/2022	9/30/2022	10/31/2022	Tiền mặt		400
CNG	9/29/2022	9/30/2022	10/20/2022	Tiền mặt		1,000
WTC	9/29/2022	9/30/2022	10/12/2022	Tiền mặt		1,000
SPC	9/30/2022	10/3/2022	10/26/2022	Tiền mặt		1,000
SZE	9/30/2022	10/3/2022	10/21/2022	Tiền mặt		800
SNZ	10/4/2022	10/5/2022	10/26/2022	Tiền mặt		1,000
USC	10/4/2022	10/5/2022	10/20/2022	Tiền mặt		350
HD2	10/4/2022	10/5/2022	10/28/2022	Tiền mặt		500

TIN TỨC CHỌN LỌC

VCCI đề xuất giảm toàn bộ thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 8 tháng tăng 37%

Đầu tư hơn 2.238 tỷ đồng xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Đồng Sóc

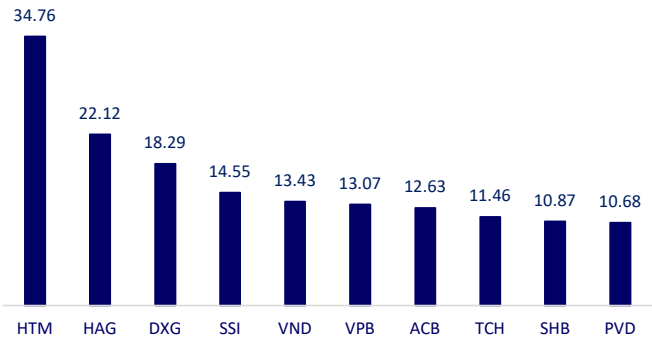
Reuters: Nước Mỹ đối mặt với khả năng thiếu khí đốt tự nhiên

Hai đường ống Nord Stream 1 và 2 cùng gặp sự cố

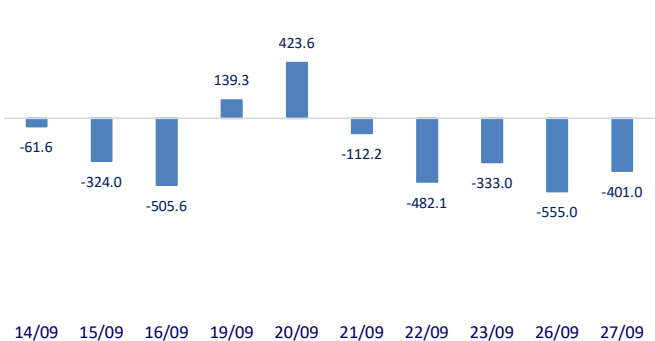
Ấn Độ muốn trở thành cường quốc chất bán dẫn

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	74,300	-0.93%	-6.19%	891,200	1,785,600	Vietcombank, VietinBank, Agribank vừa tăng lãi suất huy động thêm hơn 1%/năm. Động thái tăng mạnh lãi suất của nhóm Big 4 sẽ ảnh hưởng đáng kể tới mặt bằng lãi suất của thị trường bởi những ngân hàng này chiếm hơn 45% thị phần tiền gửi toàn hệ thống. Cụ thể, sáng 27/9, Vietcombank đã cập nhật biểu lãi suất huy động mới và tăng mạnh 0,8-1,3%/năm ở nhiều kỳ hạn. Theo đó, lãi suất kỳ hạn 1 tháng – dưới 3 tháng của Vietinbank cũng tăng thêm 1% lên 4,1%/năm, lãi suất từ 3 tháng – dưới 6 tháng tăng lên 4,4%/năm. Với kỳ từ 12 tháng trở lên, ngân hàng này áp dụng mức lãi suất mới 6,4%/năm, cao hơn 0,8%/năm so với trước
BID	33,700	0.90%	-4.13%	1,334,800	1,329,400	
CTG	23,450	-0.21%	-9.81%	4,997,200	5,224,700	
TCB	33,500	0.75%	-4.42%	4,636,000	4,037,700	
VPB	27,400	-0.72%	-8.67%	22,152,800	20,758,700	
MBB	20,200	0.50%	-5.39%	10,343,400	6,790,700	
HDB	19,300	2.88%	-2.72%	2,448,600	2,927,500	
TPB	24,900	0.00%	-1.97%	1,654,100	1,689,700	
STB	20,500	0.00%	-7.45%	10,171,900	9,577,900	
VIB	23,250	3.10%	4.26%	6,725,300	6,664,600	
ACB	22,400	0.90%	-2.18%	2,647,900	2,694,600	
NVL	84,500	0.00%	-0.12%	3,891,100	3,729,400	GAS: Trong ba quý đầu năm 2022, PV Gas dự kiến đạt 76.500 tỷ đồng doanh thu (tăng 30% so với cùng kỳ) và 14.000 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (tăng 61,8% so với cùng kỳ)
KDH	29,400	-0.68%	-11.98%	5,070,300	4,040,800	
PDR	50,000	-0.79%	-3.29%	1,745,200	1,937,200	
GAS	111,500	-1.85%	2.20%	461,900	1,034,000	VIC: Vingroup vừa ra thông báo bảo lãnh thanh toán cho trái phiếu phát hành năm 2022 cho công ty con VinFast với mức tối đa 13.000 tỷ đồng
POW	12,950	1.17%	-5.47%	22,515,400	19,462,600	
PLX	35,400	-1.94%	-6.84%	2,313,700	2,149,500	
VIC	61,000	-1.61%	-4.54%	935,900	1,529,700	MSN: Masan mới công bố đã huy động thành công 2 lô trái phiếu trị giá 1.500 tỷ đồng trước khi lô trái phiếu có giá trị tương đương đáo hạn vào ngày 25/9/2022 vừa qua
VHM	54,100	-3.22%	-8.15%	1,677,900	2,136,500	
VRE	26,650	0.00%	-8.26%	2,182,600	2,100,900	
VNM	72,400	-2.16%	-4.49%	3,592,000	4,148,100	MWG: MWG vừa công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm với doanh thu 92.283 tỷ và lợi nhuận sau thuế 3.176 tỷ đồng, lần lượt tăng 17% và 6% so với cùng kỳ 2021. So với chỉ tiêu kế hoạch năm, MWG đã thực hiện 66% về doanh thu và 50% chỉ tiêu lợi nhuận. Trong 8T/2022, chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đóng góp lần lượt 24.500 tỷ và 48.800 tỷ đồng, chiếm tổng cộng 79.5% doanh thu toàn tập đoàn và tăng 27% so với cùng kỳ
MSN	107,700	0.00%	-4.94%	648,800	611,700	
SAB	185,300	0.16%	-1.17%	116,200	168,800	
BVH	110,500	0.36%	-4.82%	389,100	452,200	
VJC	110,500	0.36%	-4.82%	389,100	452,200	
FPT	80,500	-1.23%	-3.48%	2,020,900	1,956,500	
MWG	67,100	-1.32%	-6.42%	3,610,000	3,811,600	
GVR	22,750	-1.09%	-3.19%	1,894,500	2,161,100	
SSI	19,550	0.26%	-5.56%	20,049,600	21,988,200	
HPG	22,400	0.00%	-2.61%	16,373,100	16,218,400	

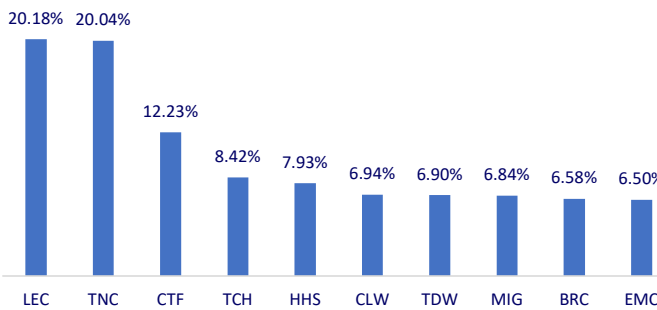
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

